

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày: 21-5 -2021

V/v: “*Tranh chấp về chia tài sản chung
và thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp thừa kế tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/TB-TA ngày 19 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị B1, sinh năm 1935; địa chỉ: Đội 7, thôn 4, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B1: Bà Hồ Thị N1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 4, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2020).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hà Vĩnh P - Luật sư của Văn phòng luật sư Vĩnh P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn:

- Ông Hồ T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn 4, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Hồ H, sinh năm 1969; địa chỉ: D19/23/2Z ấp 4A, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hồ Thị B2, sinh năm 1962; địa chỉ: A6/6E1, ấp 1, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Hồ Thị N1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 4, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

- Bà Hồ Thị N2, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 3, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- Bà Hồ Thị S, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 4, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

- Bà Hồ Thị L1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 4, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- Bà Lê Thị L2, sinh năm 1964;

- Chị Hồ Thị Thúy P, sinh năm 1994;

- Chị Hồ Thị H, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa bà B2, bà S, bà N2, bà N1, ông P có mặt; bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T, ông H, bà L, chị H, chị P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/11/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị B1 do bà Hồ Thị N1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Về quan hệ huyết thống: Bà Trần Thị B1 và ông Hồ L (chết năm 2018) là vợ chồng. Bà B1, ông L có 08 (tám) người con là: Hồ T, Hồ Thị B2, Hồ Thị S, Hồ Thị N2, Hồ Thị L1, Hồ Thị N1, Hồ H, Hồ Văn C1 (chết năm 2006) có vợ là bà Lê Thị L2 và 02 con là Hồ Thị Thúy P, Hồ Thị H. Cha mẹ của bà Trần Thị B1 là cụ Trần C, cụ Trương Thị B; cha mẹ của ông Hồ L là cụ Hồ N, cụ Đinh Thị Đ đều đã chết từ lâu (không rõ năm sinh, năm chết).

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp nằm trong một phần diện tích đất 816m² thuộc thửa 1267 (theo bản đồ năm 1993), tờ bản đồ số 5, xã N, thành phố Q là của ông Hồ L, bà Trần Thị B1 mua của vợ chồng ông Nguyễn Bình, bà Đồng Thị Hoi năm 1960. Năm 1999, thửa đất 1267 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt QSDĐ) cho ông Hồ L. Đến năm 2005, ông Hồ Văn C1 đã tự làm các thủ tục chuyển đổi tên người sử dụng đất từ ông L, bà B1 sang tên cho ông C1 và thửa đất 1267 được cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ cho vợ chồng ông Hồ Văn C1, bà Lê Thị L2. Năm 2012 sau khi ông C1 chết bà L tách thửa 1267 thành 03 thửa là 1842, 1843, 1844, cùng tờ bản đồ số 5, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 2014, thửa 1842 bà L tách thành 02 thửa là 1930, 1931. Trong đó, một phần thửa đất 1931, bà Lê Thị L2 đã làm nhà sinh sống, quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, diện tích đất trống còn lại của thửa 1931 là 261,3m², tờ bản đồ số 5, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 2017, ông L, bà B1 có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C1, bà L trả lại cho ông bà diện tích đất trống 261,3m² nêu trên.

Bản án số 44/2018/DSPT ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử tuyên buộc bị đơn bà Lê Thị L2, ông Hồ Văn C1 trả lại cho nguyên đơn ông Hồ L, bà Trần Thị B1 diện tích đất trống còn lại của thửa 1931 là 261,3m², tờ bản đồ số 5, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 07/11/2018, ông Hồ L, bà Trần Thị B1 được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 207669, số vào sổ CS 10672 đối với thửa đất số 790, tờ bản đồ số 7, diện tích 264,2m² tọa lạc tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 16/8/2018 ông Hồ L chết, không để lại di chúc. Từ trước đến nay, ông L, bà B1 chung sống cùng con gái nên sau khi ông L chết, do bà B1 không có nhà ở nên con gái là bà Hồ Thị B2 có đưa cho bà B1 số tiền 230.000.000 đồng để làm nhà trên thửa đất số 790, tờ bản đồ số 7, xã Nghĩa Đồng. Để tránh việc sau khi bà B1 qua đời, các con có tranh chấp nên ngày 02/8/2019 bà B1 có lập biên bản tự phân chia tài sản của vợ chồng bà nhưng các con là ông Hồ T, ông Hồ H, bà Lê Thị L2, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy P không đồng ý. Do đó, nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết:

Chia tài sản chung của bà Trần Thị B1 và ông Hồ L là quyền sử dụng đất tại thửa số 790, tờ bản đồ số 7, xã Nghĩa Đồng có diện tích 264,2m² (diện tích đo đạc thực tế 259,7m² giảm 4,5m² do sai số trong đo đạc) cho ông Hồ L (đã chết) và bà Trần Thị B1 thành 02 phần bằng nhau, mỗi phần diện tích là 129,85m², bà Trần Thị B1 yêu cầu được nhận phần đất hiện có nhà ở.

Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Hồ L là diện tích đất 129,85m², thuộc thửa số 790, tờ bản đồ số 7, xã Nghĩa Đồng thành 09 kỷ phần bằng nhau cho 09 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ L là vợ Trần Thị B1 và 08 người con: Hồ T, Hồ Thị S, Hồ Thị N2, Hồ Thị L1, Hồ Thị B2, Hồ H, Hồ Thị N1, Hồ Văn C1.

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bà Trần Thị B1 yêu cầu Tòa án giao kỷ phần thừa kế của ông Hồ Văn C1 cho vợ và các con ông C1 được nhận, nhưng tại phiên tòa bà xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Ông Hồ Văn C1 chết năm 2006, kỷ phần thừa kế thế vị của ông C1 giao cho các con ông C1 là chị Hồ Thị Thúy P và chị Hồ Thị H được nhận. Đề nghị giao toàn bộ diện tích đất trống còn lại thuộc một phần thửa 790 cho bà Hồ Thị B2 được nhận, bà Hồ Thị B2 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

** Theo bản tự khai ngày 12/3/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị B2, bà Hồ Thị S, bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị L1, bà Hồ Thị N1 cùng thống nhất trình bày:*

Tất cả thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị B1.

** Bị đơn ông Hồ T, ông Hồ H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L2, chị Hồ Thị Thúy P, chị Hồ Thị H không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Căn cứ Điều 213 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 33, 34, 35, 38, 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng theo qui định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng hạn theo quy định pháp luật. Bị đơn và bà L, bà Phượng, bà Hồng không chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, 72, 75, 76 của BLTTDS. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91, 92, 147, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 213, 611, 613, 614, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 33, 66 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 790, tờ bản đồ số 7, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 264,2m² (diện tích đo đạc thực tế 259,7m²) cho ông Hồ L (đã chết) và bà Trần Thị B1 mỗi người được $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất là 129,85m², giao cho bà B1 quản lý, sử dụng phần đất có nhà ở gắn liền với đất. $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất còn lại là di sản của ông Hồ L (chết năm 2018) không có di chúc được chia cho vợ và 8 người con, kỹ phần thừa kế của ông Hồ Văn C1 (chết năm 2006) hai người thừa kế thế vị của ông C1 là P, H được hưởng. Giao phần đất này cho bà B2 nhận và có trách nhiệm thanh toán lại các kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật. Về phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Hồ T, ông Hồ H là bị đơn và bà Lê Thị L2, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy P là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không do trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp về chia tài sản chung và tranh chấp thừa kế tài sản*” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ông Hồ L chết ngày 16/8/2018, ngày 30/9/2019 nguyên đơn bà Trần Thị B1 có đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung chia tài sản chung và di sản thừa kế của ông Hồ L nộp đến Tòa án, Tòa án thụ lý vụ án là còn thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế theo qui định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo giấy xác nhận ngày 25/11/2019, ngày 06/02/2020, ngày 12/5/2021 của UBND xã N: Bà Trần Thị B1 và ông Hồ L (chết năm 2018) là vợ chồng. Bà B1, ông L có 08 (tám) người con là: Hồ T, Hồ Thị B2, Hồ Thị S, Hồ Thị N2, Hồ Thị L1, Hồ Thị N1, Hồ H, Hồ Văn C1 (chết năm 2006) có vợ là bà Lê Thị L2 và 02 con là Hồ Thị Thúy P, Hồ Thị H. Cha mẹ của bà Trần Thị B1 là cụ Trần C, cụ Trương Thị B; cha mẹ của ông Hồ L là cụ Hồ N, cụ Đinh Thị Đ đều đã chết. Ông Hồ L, bà Trần Thị B1 không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác.

[2.2] Thửa đất số 790, diện tích 264,2m², loại đất ở nông thôn (diện tích đo đạc thực tế 259,7m²), tờ bản đồ số 7, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, đã được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 207669, số vào sổ CS 10672 ngày 07/11/2018 cho ông Hồ L, bà Trần Thị B1 theo Bản án số 44/2018/DSPT ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên có căn cứ xác định thửa đất này là tài sản chung của ông L, bà B1.

Căn cứ Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 33, 66 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung. Thửa đất số 790, tờ bản đồ số 7, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo chứng thư thẩm định giá của Công ty thẩm định giá Đất Việt xác định có tổng giá trị là 1.016.206.100 đồng, (259,70m² đất ở x 3.913.000 đồng/m²). Bà Trần Thị B1 và ông Hồ L có công sức ngang nhau trong quá trình tạo lập tài sản chung, mỗi người được chia ½ quyền sử dụng đất là 129,85m² có giá trị là 508.103.050 đồng, ½ quyền sử dụng đất còn lại là 129,85m² có giá trị là 508.103.050 đồng thuộc phần sở hữu của ông Hồ L.

[2.3] Ông Hồ L chết ngày 16/8/2018 không để lại di chúc nên phần tài sản chung của ông L là quyền sử dụng đất 129,85m² có giá trị 508.103.050 đồng là di sản thừa kế được chia theo pháp luật làm 9 kỷ phần, giá trị mỗi kỷ phần thừa kế được nhận là 56.455.894 đồng, chia cho các ông bà: Trần Thị B1, Hồ T, Hồ H, Hồ Thị B2, Hồ Thị S, Hồ Thị N2, Hồ Thị L1, Hồ Thị N1 mỗi người được nhận 01 kỷ phần thừa kế. Chị Hồ Thị H và Hồ Thị Thúy P được nhận chung một kỷ phần thừa kế thế vị của ông Hồ Văn C1, mỗi người được nhận là 28.227.947 đồng, (56.455.894 đồng: 2) đồng. Phần tài sản chung bà Trần Thị B1 được

quyền sở hữu có giá trị là 508.103.050 đồng và 01 kỷ phần thừa kế bà B1 được nhận là 56.455.894 đồng, tổng cộng 564.558.944 đồng.

Bà Trần Thị B1 yêu cầu nhận hiện vật là phần đất hiện có nhà ở và đề nghị giao toàn bộ phần đất còn lại cho bà Hồ Thị B2, bà Hồ Thị B2 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế là phù hợp.

Giao diện tích đất 131m², loại đất ở nông thôn thuộc một phần thửa đất số 790, tờ bản đồ số 7, có tổng giá trị là 512.603.000 đồng, địa chỉ: xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Trần Thị B1 được quản lý, sử dụng, giới cận thửa đất: Cạnh phía bắc giáp thửa đất 776 có chiều dài là 21,01m; cạnh phía nam giáp phần đất còn lại của thửa 790 có chiều dài là 21,86m; cạnh phía tây giáp đường đi bê tông có chiều dài là 6,10m; cạnh phía đông giáp thửa đất số 789 có chiều dài các đoạn là 2,22m và 3,93m. (Kí hiệu A có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án). Phần tài sản chung và kỷ phần bà B1 được nhận còn thiếu 51.955.944 đồng.

Giao diện tích đất 128,7m², loại đất ở nông thôn thuộc một phần thửa số 790, tờ bản đồ số 7, có tổng giá trị 503.603.100 đồng, địa chỉ: xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Hồ Thị B2 được quyền sở hữu, sử dụng, giới cận thửa đất: Cạnh phía bắc giáp phần đất giao cho bà Trần Thị B1 có chiều dài là 21,86m; cạnh phía nam giáp thửa 1877 có chiều dài các đoạn là 22,04m và 0,37m; cạnh phía tây giáp đường đi bê tông có chiều dài là 5,06m; cạnh phía đông giáp thửa đất số 789 có chiều dài là 6,59m. (Kí hiệu B có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

Bà Hồ Thị B2 được chia 01 kỷ phần thừa kế của ông Hồ L là 56.455.894 đồng, còn 447.147.206 đồng giá trị chênh lệch, bà B2 phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế như sau: Thanh toán cho ông Hồ T, ông Hồ H, bà Hồ Thị S, bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị L1, bà Hồ Thị N1 mỗi người nhận số tiền 56.455.894 đồng; thanh toán cho chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy P mỗi người nhận số tiền 28.227.947 đồng; thanh toán cho bà Trần Thị B1 nhận số tiền 51.955.944 đồng.

[2.4] Hàng rào lưới B40, móng gạch, trụ xi măng do bà Hồ Thị B2 xây dựng và các cây cối do bà B1 trồng gồm: 02 (hai) cây đu đủ, 20 (hai mươi) cây chuối, 01 (một) cây xoài, 03 (ba) cây cau không phải tài sản chung của ông L, bà B1, không phải di sản thừa kế của ông L. Vật kiến trúc và cây cối trên đều nằm trên diện tích đất giao cho bà Hồ Thị B2 các đương sự không có tranh chấp. Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà B2, bà S, bà N2, bà L, bà N1 đều thống nhất giao cho bà B2 được sở hữu, sử dụng không phải thanh toán lại giá trị nên ghi nhận sự tự nguyện nêu trên của các đương sự.

Căn nhà cấp 4, tường xây gạch, mái lợp ngói, nền gạch men nằm trên diện tích đất giao cho bà Trần Thị B1 do bà Hồ Thị B2 xây cho bà B1 ở sau khi ông Hồ L chết, không phải tài sản chung của ông L, bà B1, không phải di sản thừa kế của ông L, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

Bà Trần Thị B1, bà Hồ Thị B2 có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng kí, điều chỉnh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật.

[3] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu về pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá tài sản là 3.300.000 đồng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, chi phí đo đạc đất tranh chấp là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 8.300.000 đồng nguyên đơn bà Trần Thị B1 đã nộp tạm ứng và chi xong. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với giá trị phần tài sản và phần di sản thừa kế được nhận và có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà B1, cụ thể: Bà Trần Thị B1 phải chịu 1/2 chi phí tố tụng về chia tài sản chung là 4.150.000 đồng và chi phí về chia di sản thừa kế là 461.111 đồng; bà Hồ Thị B2, bà Hồ Thị S, bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị L1, bà Hồ Thị N1, ông Hồ T, ông Hồ H mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 461.111 đồng; chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy P phải chịu chi phí tố tụng là 461.111 đồng, mỗi người phải chịu 230.556 đồng, nên chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy P phải thanh toán lại cho bà B1 mỗi người 230.556 đồng.

[6] *Về án phí*: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự phải chịu án phí theo giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản chung và phần di sản thừa kế được chia.

Bà Trần Thị B1 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí phải nộp.

Ông Hồ T; ông Hồ H; bà Hồ Thị B2; bà Hồ Thị S; bà Hồ Thị N2; bà Hồ Thị L1; bà Hồ Thị N1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.822.795 đồng, (56.455.894 đồng x 5%); chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy P mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.411.397 đồng, (28.227.947 đồng x 5%).

[7] Quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 144, 147, 157, 158, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 213, 611, 613, 614, 623, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, 66 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm đ

khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B1 về yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông Hồ L theo quy định pháp luật.

2/ *Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ L gồm:* Bà Trần Thị B1; ông Hồ T; ông Hồ H; bà Hồ Thị B2; bà Hồ Thị S; bà Hồ Thị N2; bà Hồ Thị L1; bà Hồ Thị N1; ông Hồ Văn C1 (chết ngày 04/8/2006) có 02 người con là Hồ Thị H, Hồ Thị Thúy P được hưởng thừa kế thế vị phần của ông C1.

3/ *Xác định tài sản chung của ông Hồ L, bà Trần Thị B1 gồm:* Thửa đất số 790, diện tích 264,2m² (theo đo đạc thực tế diện tích 259,7m²), loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 7, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO207669, số vào sổ CS10672 do Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 07/11/2018 cho ông Hồ L, bà Trần Thị B1 là tài sản chung của ông Hồ L, bà Trần Thị B1. Thửa đất có tổng giá trị là 1.016.206.100 đồng. Bà Trần Thị B1 và ông Hồ L mỗi người được chia ½ quyền sử dụng đất là 129,85m² có giá trị là 508.103.050 đồng, ½ quyền sử dụng đất còn lại là 129,85m² có giá trị là 508.103.050 đồng thuộc phần sở hữu của ông Hồ L.

4/ *Xác định di sản thừa kế của ông Hồ L gồm:* Ông Hồ L chết ngày 16/8/2018 không để lại di chúc nên phần tài sản chung của ông Hồ L là quyền sử dụng đất 129,85m² có giá trị 508.103.050 đồng là di sản thừa kế được chia theo pháp luật làm 9 kỷ phần, giá trị mỗi kỷ phần thừa kế được nhận là 56.455.894 đồng, chia cho các ông bà: Trần Thị B1, Hồ T, Hồ H, Hồ Thị B2, Hồ Thị S, Hồ Thị N2, Hồ Thị L1, Hồ Thị N1 mỗi người được nhận 01 kỷ phần thừa kế. Chi Hồ Thị H và Hồ Thị Thúy P được nhận chung một kỷ phần thừa kế thế vị của ông Hồ Văn C1, mỗi người được nhận là 28.227.947 đồng, (56.455.894 đồng: 2) đồng.

Phần tài sản chung bà Trần Thị B1 được quyền sở hữu có giá trị là 508.103.050 đồng và 01 kỷ phần thừa kế bà B1 được nhận có giá trị là 56.455.894 đồng, tổng cộng 564.558.944 đồng.

5/ *Về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế:*

Giao diện tích đất 131m², loại đất ở nông thôn thuộc một phần thửa đất số 790, tờ bản đồ số 7, có tổng giá trị là 512.603.000 đồng, địa chỉ: xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Trần Thị B1 được quản lý, sử dụng, giới cận thửa đất: Cạnh phía bắc giáp thửa đất 776 có chiều dài là 21,01m; cạnh phía nam giáp phần đất còn lại của thửa 790 có chiều dài là 21,86m; cạnh phía tây giáp đường đi bê tông có chiều dài là 6,10m; cạnh phía đông giáp thửa đất số 789 có chiều dài các đoạn là 2,22m và 3,93m. (Kí hiệu A có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án). Phần tài sản chung và kỷ phần bà B1 được nhận còn thiếu 51.955.944 đồng.

Giao diện tích đất 128,7m², loại đất ở nông thôn thuộc một phần thửa số 790, tờ bản đồ số 7, có tổng giá trị 503.603.100 đồng, địa chỉ: xã N, thành phố

Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Hồ Thị B2 được quyền sở hữu, sử dụng, giới cận thửa đất: Cạnh phía bắc giáp phần đất giao cho bà Trần Thị B1 có chiều dài là 21,86m; cạnh phía nam giáp thửa 1877 có chiều dài các đoạn là 22,04m và 0,37m; cạnh phía tây giáp đường đi bê tông có chiều dài là 5,06m; cạnh phía đông giáp thửa đất số 789 có chiều dài là 6,59m. (Kí hiệu B có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

Bà Hồ Thị B2 được chia 01 kỷ phần thừa kế của ông Hồ L là 56.455.894 đồng, còn 447.147.206 đồng giá trị chênh lệch, bà B2 phải thanh toán lại cho các đồng thừa kế như sau: Thanh toán cho ông Hồ T, ông Hồ H, bà Hồ Thị S, bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị L1, bà Hồ Thị N1 mỗi người nhận số tiền 56.455.894 đồng; thanh toán cho chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy P mỗi người nhận số tiền 28.227.947 đồng; thanh toán cho bà Trần Thị B1 nhận số tiền 51.955.944 đồng.

6/ Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Bà Hồ Thị B2 được quản lý, sử dụng vật kiến trúc, cây cối trên phần đất được nhận gồm: Hàng rào lưới B40, móng gạch, trụ xi măng, 02 (hai) cây đu đủ, 20 (hai mươi) cây chuối, 01 (một) cây xoài, 03 (ba) cây cau không phải thanh toán lại giá trị.

Căn nhà cấp 4, tường xây gạch, mái lợp ngói, nền gạch men nằm trên diện tích đất giao cho bà Trần Thị B1 do bà Hồ Thị B2 xây cho bà B1 ở sau khi ông Hồ L chết, không phải tài sản chung của ông L, bà B1, không phải di sản thừa kế của ông L, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

Bà Trần Thị B1, bà Hồ Thị B2 có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng kí, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật.

7/ *Chi phí tố tụng*: Chi phí thẩm định giá tài sản là 3.300.000 đồng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, chi phí đo đạc đất tranh chấp là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 8.300.000 đồng nguyên đơn bà Trần Thị B1 đã nộp tạm ứng và chi xong. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với giá trị phần tài sản và phần di sản thừa kế được nhận và có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà B1, cụ thể: Bà Trần Thị B1 phải chịu 1/2 chi phí tố tụng về chia tài sản chung là 4.150.000 đồng và chi phí về chia di sản thừa kế là 461.111 đồng; bà Hồ Thị B2, bà Hồ Thị S, bà Hồ Thị N2, bà Hồ Thị L1, bà Hồ Thị N1, ông Hồ T, ông Hồ H mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 461.111 đồng; chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy P phải chịu chi phí tố tụng là 461.111 đồng, mỗi người phải chịu 230.556 đồng, nên chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy P phải thanh toán lại cho bà B1 mỗi người 230.556 đồng.

8/ *Về án phí*: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Trần Thị B1 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

Ông Hồ T; ông Hồ H; bà Hồ Thị B2; bà Hồ Thị S; bà Hồ Thị N2; bà Hồ Thị L1; bà Hồ Thị N1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.822.795

đồng; chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị Thúy P mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.411.397 đồng.

9/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

10/ Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THASDS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Mai Hạnh